



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
CHOCKFAST RED HARDENER**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm CHOCKFAST RED HARDENER

Số hiệu sản phẩm Y0015

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Ăn mòn da loại 1B - H314 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411

Sức khỏe con người Dung dịch này gây kích ứng mạnh cho mắt và da.

Môi trường Gây hại cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

CHOCKFAST RED HARDENER

Câu cảnh báo nguy cơ	H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
Câu phòng ngừa	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT : Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.
Bao gồm	FATTY ACIDS, TALL-OIL, REACTION PRODUCTS WITH TETRAETHYLENEPENTAMINE, 3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE, DIETHYLENETRIAMINE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

FATTY ACIDS, TALL-OIL, REACTION PRODUCTS WITH TETRAETHYLENEPENTAMINE	60-100%
Số CAS: 68953-36-6	
Phân loại	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	
3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE	5-10%
Số CAS: 112-57-2	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	
DIETHYLENETRIAMINE	1-5%
Số CAS: 111-40-0	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H302	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

CHOCKFAST RED HARDENER

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Không hít hơi/ bụi nước. Avoid contact with eyes. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với các phương tiện sau: Dập lửa với bọt chống cồn, cacbon dioxit, bột khô hoặc bình xịt phun sương.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Phải sử dụng đồ bảo hộ khỏi bụi gây phiền toái khi nồng độ của nó trong không khí vượt quá 10 mg/m ³ .
------------------------------	--

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Keep up-wind to avoid fumes.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.
-----------------------------------	--

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

CHOCKFAST RED HARDENER

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần. Do not breathe vapour. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu sau: Axit. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt

Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Use protective gloves. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Neopren. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Polyvinyl clorua (PVC). Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

CHOCKFAST RED HARDENER

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Mùi đặc trưng	Mùi amoniac.
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>200°C @
Điểm chớp cháy	111°C
Áp suất hơi	3.60mmHg @ °C
Tỷ trọng tương đối	0.95 @ 20 °C°C
Tính tan	Có thể trộn lẫn với nước.
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Nitrous acid and other nitrosating agents. Axit - hữu cơ.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniác hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 3.846,15

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 8.461,54

Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẫn tính	Gây kích ứng da. Gây kích ứng cho mắt.

3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

CHOCKFAST RED HARDENER

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.100,0

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Tránh phát thải ra môi trường. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

FATTY ACIDS, TALL-OIL, REACTION PRODUCTS WITH TETRAETHYLENEPENTAMINE

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, : 1-10 mg/l, Cá

Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh EC₅₀, : 1-10 mg/l, Daphnia magna

Độc tính cấp tính- thực vật thủy sinh EC₅₀, : 1-10 mg/l, Tảo nước

3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 420 mg/l, Poecilia reticulata (Cá bảy màu)

Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh EC₅₀, 48 giờ: 24.1 mg/l, Daphnia magna

Độc tính cấp tính- thực vật thủy sinh EC₅₀, 72 giờ: 6.8 mg/l, Selenastrum capricornutum

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE

Độ bền và độ phân hủy Sản phẩm này không phân hủy sinh học.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE

Khả năng tích lũy sinh học log Kow: -3.16,

Tính di động trong đất

Tính di động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

CHOCKFAST RED HARDENER

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	1760
Số UN (IMDG)	1760
Số UN (ICAO)	1760

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TETRAETHYLENEPENTAMINE, DIETHYLENETRIAMINE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TETRAETHYLENEPENTAMINE, DIETHYLENETRIAMINE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TETRAETHYLENEPENTAMINE, DIETHYLENETRIAMINE)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	8
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	8
Nhóm IMDG	8
Nhóm/ mục ICAO	8

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt	III
Nhóm đóng gói IMDG	III
Nhóm đóng gói ICAO	III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS	F-A, S-B
Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt)	80

PHẦN 15: Thông tin luật định

CHOCKFAST RED HARDENER**PHẦN 16: Thông tin khác****Ngày sửa đổi** 06/04/2018**Sửa đổi** 15**Ngày thay thế** 03/05/2016**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.